TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2017
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 209/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn G, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Đồng trú tại: 47, tổ 7, ấp 1C, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Trầu Văn G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 có tổ chức lễ cưới, đến năm 2003 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G hay cờ bạc, rượu chè, không lo cho kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi vã nhau. Từ tháng 3 năm 2016 mâu

thuẩn vợ chồng phát sinh trầm trọng, vợ chồng chị tự sống ly thân, không quan tâm chăm sóc cho nhau, việc ai người đó làm. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Trần Văn G ly hôn.

Con chung: Có 02 cháu tên Trần Văn T, sinh ngày 10/4/1999 và cháu Trần Thị Thủy T, sinh ngày 16/02/2003.

Cháu T đã đủ 18 tuổi. Sau khi vợ chồng chị ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Văn G đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa làm việc nên không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, cháu Trần Thị Thủy T có bản tự khai đề nghị được sống với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

- Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo các Điều 222 đến 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định Điều 70,72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh G. Về con chung: giao cháu Trần Thị Thủy T, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2003 cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm thời anh G không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, anh G không đến tham dự phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh G.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh G tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998, đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01 ngày 10 tháng 3 năm 2003) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào chứng cứ thu thập được thể hiện tại hồ sơ thì vợ chồng chị T, anh G sống không có hạnh phúc thường xuyên gây gổ cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, bạc đoàn tụ được. Xét mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh G đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T xử cho chị T được ly hôn anh G là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

[3].Về con chung: Có 02 cháu tên Trần Văn T, sinh ngày 10/4/1999 và cháu Trần Thị Thủy T, sinh ngày 16/02/2003.

Xét thấy, hiện nay cháu T đã trưởng thành trên 18 tuổi, cháu T đã trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến cháu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị T nuôi con không yêu cầu anh G cấp dưỡng nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xét.

[6] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn G.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thủy T, sinh ngày 16/02/2003 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời, anh Trần Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Trần Văn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: không xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 006175 ngày 27/3/2017 của Chi cục thi hành án huyện L. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Chị Nguyễn Thị T được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn G được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- UBNDX.P;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phụng